

**TỜ TRÌNH**

**Về việc dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

a) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15; theo đó tại điểm c và điểm đ khoản 9 Điều 30 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như sau:

“c) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này;

d) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương”

b) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, theo đó:

- Tại khoản 1 Điều 9 quy định “Ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể”.

- Tại khoản 3 Điều 9 quy định “Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và khả năng quản lý của mỗi cấp trên địa bàn”.

- Tại điểm d và đ khoản 9 Điều 31 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh như sau:

“d) Quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 9 và Điều 41 của Luật này;

đ) Quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu quy

*định tại khoản 2 Điều 38 của Luật này và các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã;”*

- Tại điểm g khoản 2 Điều 36 quy định: “g) *Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 15%; ngân sách địa phương hưởng 85%”.*

- Tại Điều 41 quy định về Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã: “*Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, khả năng quản lý của từng địa phương”.*

- Tại điểm a khoản 3 Điều 77 quy định một số nội dung quy định tại Luật này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 bao gồm: “a) *Việc phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.*

- Tại khoản 4 Điều 77 quy định: “4. *Quy định về phân chia khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại Luật này được thực hiện từ dự toán ngân sách năm 2026”.*

c) Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý thuế để phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, tại khoản 6 Điều 1 sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế như sau:

“d) *Việc hạch toán thu ngân sách nhà nước đối với số thuế giá trị gia tăng đã được Kho bạc Nhà nước khấu trừ theo nguyên tắc công trình xây dựng cơ bản phát sinh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào thì số thuế giá trị gia tăng do Kho bạc Nhà nước khấu trừ sẽ được hạch toán vào thu ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó.*

*Trường hợp công trình nằm trên nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì chủ đầu tư có trách nhiệm xác định doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng công trình theo từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và có trách nhiệm lập chứng từ thanh toán theo mẫu quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ gửi Kho bạc Nhà nước để khấu trừ thuế giá trị gia tăng và hạch toán thu ngân sách cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trường hợp công trình, hạng mục công trình xây dựng nằm trên nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mà không xác định được doanh thu của công trình ở từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì sau khi xác định tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế giá trị*

gia tăng của công trình, hạng mục công trình xây dựng, căn cứ vào tỷ lệ (%) giá trị đầu tư của công trình tại từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên tổng giá trị đầu tư để xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

*Trường hợp công trình trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gồm: công trình liên xã, phường, đặc khu và công trình ở xã, phường, đặc khu khác với nơi nhà thầu đóng trụ sở), Chi cục Thuế khu vực phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định phân bổ hạch toán thu ngân sách nhà nước theo địa bàn cấp xã.”*

## **2. Cơ sở thực tiễn**

### **a) Quy định của hai tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên (trước sắp xếp)**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước, HĐND tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên (trước sắp xếp) ban hành các Nghị quyết ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh, cụ thể:

- **Tỉnh Đắk Lắk (trước sắp xếp):** áp dụng theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từ năm 2017 cho ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND); Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk từ năm 2024.

- **Tỉnh Phú Yên (trước sắp xếp):** áp dụng theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Phú Yên trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2022 đến năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND).

### **b) Quy định hiện nay của tỉnh Đắk Lắk (sau sắp xếp)**

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025;

Hiện nay, việc điều tiết các khoản thu ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2025 được thực hiện theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 về điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp, trong đó: về cơ bản tiếp tục thực hiện các Nghị quyết trước đây của hai tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên (trước sắp xếp) trên địa bàn tương ứng, đối với các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng được điều tiết về ngân sách cấp tỉnh.

Để đảm bảo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026 được đồng bộ, thống nhất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và căn cứ các cơ sở pháp

lý, chính trị nêu trên, việc ban hành Nghị quyết ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026 là cần thiết, kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

### **1. Mục đích ban hành văn bản**

a) Đảm bảo thống nhất và đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho sự tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng dự toán NSNN, thực hiện dự toán NSNN đối với cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

b) Phân cấp nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh, tính chủ động của ngân sách cấp xã. Nguồn thu gắn với vai trò quản lý của cấp chính quyền địa phương nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền địa phương cấp đó.

c) Tăng cường phân cấp ngân sách cho cấp xã để các địa phương có điều kiện cân đối ngân sách và chủ động thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn; hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

d) Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với nguồn thu có quy mô nhỏ. Các nguồn thu khó dự báo, không ổn định cho cả giai đoạn thì không phân cấp cho ngân sách cấp xã.

đ) Gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng quản lý của từng cấp, phù hợp với tổ chức bộ máy quản lý để tạo lập nguồn thu ổn định bền vững, khuyến khích cấp xã tăng cường quản lý thu, chống thất thu ngân sách trên địa bàn.

e) Phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách gắn trực tiếp quyền và trách nhiệm của từng cấp và cấp nào thực hiện hiệu quả, kịp thời nhất thì giao cho cấp đó thực hiện.

g) Việc phân cấp phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, dễ kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện. Hạn chế sự chồng chéo giữa các cấp ngân sách, gây thất thoát, lãng phí trong việc sử dụng ngân sách.

Ban hành kịp thời để HĐND tỉnh quyết định dự toán và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước từ năm 2026 của tỉnh Đắk Lắk.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

Việc xây dựng Nghị quyết thực hiện trên quan điểm sau:

*Thứ nhất*, đảm bảo phù hợp về thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 và điểm d, đ khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; theo đúng trình tự thủ tục ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

*Thứ hai*, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động linh hoạt, phát huy cao nhất sức sáng tạo của các ngành, các xã, phường; nâng cao sự tự chủ của các địa phương.

*Thứ ba*, kế thừa những quy định hiện hành đã được thực tiễn chứng minh đem lại các tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của tỉnh.

*Thứ tư*, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tính công khai minh bạch, dân chủ và giám sát của cộng đồng trong quản lý NSNN.

*Thứ năm*, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện về địa lý, tự nhiên, dân số của các địa phương trong tỉnh..

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

1. Ngày 27/9/2025, Thường trực HĐND tỉnh có Công văn số 489/HĐND-VP về việc thống nhất với nội dung đăng ký xây dựng Nghị quyết theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 043/TTr-UBND ngày 28/8/2025.

2. Ngày 30/9/2025, UBND tỉnh ban hành Thông báo số 092/TB-UBND trong đó giao Sở Tài chính chủ trì soạn thảo Nghị quyết.

3. Ngày ..../10/2025, Sở Tài chính gửi các cơ quan, đơn vị về việc xin ý kiến hồ sơ xây dựng Nghị quyết tại các Công văn: ..../STC-TH&QLNS; ..../STC-TH&QLNS.

4. Ngày ..../10/2025, Sở Tài chính có Công văn số ..../STC-TH&QLNS về việc đăng dự thảo Nghị quyết.

5. Ngày ..../10/2025, Sở Tài chính có Công văn số ..../STC-TH&QLNS gửi Sở Tư pháp về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết.

8. Ngày ..../10/2025, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết tại Công văn số ...../BCTĐ-STP.

9. Sở Tài chính đã thực hiện đúng trình tự quy định và được thông qua tại cuộc họp lấy ý kiến góp ý của các thành viên UBND tỉnh ngày ...../..../2025.

10. Tiếp thu ý kiến góp ý của các thành viên UBND tỉnh, UBND tỉnh hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình HĐND tỉnh thông qua.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

#### **1. Bố cục của dự thảo văn bản**

##### **a) Dự thảo Nghị quyết được xây dựng gồm 03 Điều, cụ thể:**

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này là Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

##### **b) Dự thảo Quy định được xây dựng gồm 04 Chương, cụ thể:**

#### **CHƯƠNG I: PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG VÀ NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

## **CHƯƠNG II: PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

## **CHƯƠNG III: PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan Thuế trong việc xác định khoản thu ngân sách địa phương từng cấp hưởng

### **2. Nội dung cơ bản**

Tới thời điểm tháng 9/2025, Chính phủ chưa ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Bộ trưởng Bộ Tài chính chưa có Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15. Do đó các nội dung tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định tại Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Trong quá trình thực hiện quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Tài chính chủ động cập nhật các nội dung tại dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 để kịp thời bổ sung các nội dung tại dự thảo Nghị quyết theo quy định.

Đồng thời kế thừa một số nội dung đã được phân cấp trong giai đoạn 2022 - 2025 của hai tỉnh trước sáp nhập còn phù hợp; điều chỉnh, bổ sung một số nội dung bất cập trong quá trình thực hiện phân cấp của giai đoạn 2022- 2025 và phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025 - 2030. Cụ thể như sau:

#### **2.1. Nguyên tắc phân cấp**

##### **a) Nguyên tắc phân cấp nguồn thu**

- Chú trọng khả năng đáp ứng nhu cầu chi tại chỗ, khuyến khích khai thác nguồn thu, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó.

- Phân cấp tối đa nguồn thu trên địa bàn để bảo đảm nhiệm vụ chi được giao.

- Ngân sách cấp xã được phân chia nguồn thu từ các khoản thu mang tính ổn định nhằm đảm bảo cân đối và chủ động điều hành cho ngân sách cấp xã.

- Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ và các nguồn thu không ổn định hàng năm.

**b) Nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi**

- Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp;

- Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

c) Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác, trừ các trường hợp sau:

- Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

- Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới.

- Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác.

- Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

**2.2. Đối với phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã**

a) Đối với nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã hưởng 100%:

Căn cứ khoản 1 Điều 38 Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định 20 khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị quyết xác định nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã hưởng 100% theo nguyên tắc:

Có 05 khoản thu chỉ phát sinh do ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%, gồm (1) Tiền cho thuê mặt nước, tiền sử dụng khu vực biển; (2) Thu từ hoạt động xổ số; (3) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; (4) Thu từ quỹ dự trữ tại chính địa phương; (5) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của tỉnh cấp phép.

Có 02 khoản thu chỉ phát sinh do ngân sách cấp xã hưởng 100% (do có số thu phát sinh thấp), gồm (1) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; (2) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

Có 13 khoản thu phát sinh ở hai cấp, hưởng theo nguyên tắc: cấp nào quản lý cấp đó hưởng 100%, gồm: (1) Thuế tài nguyên; (2) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; (3) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; (4) Lệ phí trước bạ; (5) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; (6) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương; (7) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; (8) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu; (9) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện; (10) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; (11) Thu kết dư ngân sách địa phương; (12) Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang; (13) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

b) Đối với các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã:

#### **\* Các khoản thu phân chia:**

Căn cứ khoản 2 Điều 38 Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định 08 khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị quyết quy định 08 khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tương tự, gồm:

(1) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);

(2) Thuế thu nhập cá nhân;

(3) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

(4) Thuế bảo vệ môi trường;

(5) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách địa phương hưởng 30%;

(6) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;

(7) Tiền sử dụng đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 của Luật số 89/2025/QH15, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 15%; ngân sách địa phương hưởng 85%;

(8) Tiền thuê đất, các địa phương không nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 20%; ngân sách địa phương hưởng 80%. Các địa phương nhận bổ sung cân đối, ngân sách trung ương hưởng 15%; ngân sách địa phương hưởng 85%.

#### **\* Về tỷ lệ phần trăm phân chia:**

Năm 2026 là năm kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Thông báo số 2552/TB-VPQH ngày 16/7/2025 của Văn phòng Quốc hội<sup>1</sup> do đó tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố tiếp tục áp dụng theo Nghị quyết số 70/2022/QH15 của Quốc hội<sup>2</sup> (trừ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất áp dụng theo quy định của Luật số 89/2025/QH15).

Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2<sup>3</sup> và khoản 3 Điều 36<sup>4</sup> của Luật số 89/2025/QH15; để đảm bảo tính áp dụng lâu dài (không bị ảnh hưởng khi Trung ương quy định lại tỷ lệ phần trăm phân chia cho giai đoạn mới) dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định:

Các khoản thu phân chia như trên, **phần ngân sách địa phương hưởng được xem là 100%** và được phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã như sau:

<sup>1</sup> Về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026.

<sup>2</sup> Về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023.

<sup>3</sup> Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thực hiện phân chia: ngân sách trung ương hưởng 70%, ngân sách các địa phương hưởng 30%. Việc phân chia cho từng địa phương trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí **trong từng giai đoạn do Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.**

<sup>4</sup> Chính phủ xây dựng phương án tỷ lệ cụ thể phân chia từng khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại các điểm **a, b, c và d khoản 2 Điều này**, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tỷ lệ được ổn định lâu dài để chủ động ngân sách địa phương, trình **Quốc hội xem xét, quyết định.**

- Quy định 02 khoản thu thực hiện phân chia 100% cho ngân sách cấp tỉnh hưởng gồm: (1) Thuế bảo vệ môi trường; (2) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan trung ương cấp phép. Với lý do:

Hai khoản thu này có tỷ lệ phần trăm phân chia lớn với ngân sách Trung ương (số thu phát sinh đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan trung ương cấp phép không nhiều) do đó không thực hiện điều tiết giữa ngân sách cấp tỉnh và cấp xã mà tập trung khoản thu cho ngân sách cấp tỉnh hưởng để tránh phân tán nguồn thu.

Kế thừa quy định của Nghị quyết 02 tỉnh trước sắp xếp.

- Quy định tiền thuê đất: thực hiện phân chia theo hướng: Thuế tỉnh quản lý thu thì ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (*được hiểu là NSTW 15%; ngân sách cấp tỉnh 85%*); Thuế cơ sở quản lý thu thì ngân sách cấp xã hưởng 100% (*được hiểu là NSTW 15%; ngân sách cấp xã 85%*).

Lý do: Kế thừa theo quy định của Nghị quyết tỉnh Phú Yên (trước đây).

- Quy định tiền sử dụng đất: dự kiến tỷ lệ phần trăm phân chia ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo Phương án:

Các dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất; các trường hợp khác do cấp tỉnh trực tiếp quản lý theo quy định: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (*được hiểu là NSTW 15%; ngân sách cấp tỉnh 85%*).

Các dự án do ngân sách cấp xã đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất; các trường hợp khác do xã trực tiếp quản lý theo quy định: ngân sách cấp xã hưởng 100% (*được hiểu là NSTW 15%; ngân sách cấp xã 85%*).

Phương án này xây dựng căn cứ như sau:

Trường hợp tiếp tục áp dụng mô hình phân cấp quản lý thu như hiện tại (thu tiền sử dụng đất do ngân sách cấp tỉnh thực hiện): đối với phương án này sẽ tập trung cơ bản toàn bộ về ngân sách cấp tỉnh và thực hiện phân bổ chung cho toàn tỉnh theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công theo quy định.

Trường hợp đẩy mạnh phân cấp quản lý thu (giao về cho cấp xã thực hiện quản lý thu đối với các dự án do ngân sách cấp xã đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất): thì phương án này đảm bảo toàn bộ số thu từ các dự án do ngân sách cấp xã đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất thì ngân sách cấp xã được hưởng toàn bộ.

- Đối với 04 khoản thu còn lại ((1) Thuế thu nhập doanh nghiệp; (2) Thuế thu nhập cá nhân; (3) Thuế tiêu thụ đặc biệt; (4) Thuế giá trị gia tăng)), để tăng tính chủ động cho các xã, phường nơi có nguồn thu, đồng thời đảm bảo vai trò điều hòa chung của ngân sách cấp tỉnh xây dựng theo Phương án:

+ Thuế tỉnh quản lý thu: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%;

+ Thuế cơ sở quản lý thu:

Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt: ngân sách cấp xã hưởng 100%.

Đối với 03 sắc thuế ((1) Thuế thu nhập doanh nghiệp, (2) Thuế thu nhập cá nhân, (3) Thuế giá trị gia tăng): tại các xã: ngân sách xã hưởng 100%; tại các phường: thực hiện điều tiết ngân sách tỉnh hưởng 30%, ngân sách phường hưởng 70%.

Trên cơ sở số liệu báo cáo sơ bộ ước thực hiện năm 2025 của Thuế tỉnh Đắk Lắk (*số thu do Thuế cơ sở quản lý thu trên địa bàn 102 xã, phường*), Sở Tài chính cũng đang hoàn thiện việc soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026, việc xác định tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã chịu tác động bởi Nghị quyết này.

Quan điểm của dự thảo Nghị quyết là sẽ tăng cường phân cấp nguồn thu Thuế cơ sở quản lý thu về cho xã phường. Tuy nhiên, đối với các phường có số thu lớn, để đảm bảo cân đối thu - chi sẽ thực hiện điều tiết về ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%.

### **2.3. Về phân bổ hạch toán thu ngân sách nhà nước đối với tiền thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu khi thực hiện thủ tục thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách nhà nước cho chủ đầu tư**

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BTC, tại khoản 6 Điều 1; dự thảo Nghị quyết quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

Riêng việc phân bổ hạch toán thu thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh được quy định như sau:

- Trường hợp công trình xây dựng cơ bản trong cùng một tỉnh (gồm: công trình liên xã, phường; công trình ở xã, phường khác với nơi nhà thầu đóng trụ sở) do nhà thầu trong tỉnh thực hiện: thực hiện hạch toán thu ngân sách cho xã, phường nơi nhà thầu đóng trụ sở chính và thực hiện điều tiết theo tỷ lệ quy định.

- Trường hợp công trình xây dựng cơ bản do nhà thầu ngoài tỉnh (trụ sở chính ở tỉnh khác) thực hiện: Kê khai thuế và hạch toán 100% vào thu ngân sách cấp tỉnh.

### **2.4. Về thực hiện cơ chế đặc thù Buôn Ma Thuột**

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội, tại điểm b khoản 8 quy định: “*Cho phép các xã, phường mới tương ứng với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh Đắk Lắk sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính được tiếp tục áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội áp dụng đối với thành phố Buôn Ma Thuột trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp*”.

Theo đó, để đảm bảo cho các xã, phường mới (*Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Ea Kao, Thành Nhất, Hòa Phú*) được hưởng toàn bộ số thu theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (*Tỉnh Đắk Lắk được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số đối với dân số của thành phố Buôn Ma Thuột theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 khi xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này. Số chi tăng thêm được bố trí cho các nhiệm vụ chi được phân cấp của thành phố Buôn Ma Thuột. Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phù hợp để thành phố Buôn Ma Thuột được hưởng và sử dụng toàn bộ phần được bổ sung*

tăng thêm); dự thảo Nghị quyết quy định tại khoản 3 Điều 5 về nguồn thu của ngân sách cấp xã như sau:

*“Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh. Riêng các xã, phường mới (Buôn Ma Thuột, Tân An, Tân Lập, Ea Kao, Thành Nhất, Hòa Phú) tương ứng với địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thuộc tỉnh Đắk Lắk (trước sắp xếp) được phân bổ thêm số thu theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 và theo điểm b khoản 8 Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội”.*

## 2.5. Về phân cấp nhiệm vụ chi

Căn cứ quy định tại Điều 39 của Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định 09 nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, dự thảo Nghị quyết cũng cập nhật, bổ sung theo quy định như sau:

a) Có 04 nội dung chi chỉ có ở ngân sách cấp tỉnh là (1) Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay; (2) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương; (3) Chi cho vay theo quy định của Chính phủ; (4) Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

b) Có 05 nội dung chi thực hiện theo phân cấp: cấp tỉnh quản lý thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh; cấp xã quản lý thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã. Cụ thể:

- **Chi đầu tư phát triển:** gồm 04 nội dung, trong đó:

+ Có 02 nội dung chi chỉ có ở ngân sách cấp tỉnh là: **(1)** *Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;* **(2)** *Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.*

Lý do: Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; tại khoản 1 Điều 1 quy định: “*Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau: “2. Nguồn vốn ngân sách **cấp tỉnh** hàng năm (tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) **ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh** để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.*

+ 02 nội dung theo cấp quản lý là: **(1)** *Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15;* **(2)** *Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.*

- **Chi thường xuyên** của các cơ quan, đơn vị theo cấp quản lý được phân cấp trong 12 lĩnh vực. Trong đó: đối với sự nghiệp khoa học, công nghệ quy định rõ ngân sách cấp xã chỉ thực hiện nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ, không có nhiệm vụ nghiên cứu).

- **Chi viện trợ** theo quy định của Chính phủ.

- **Chi chuyển nguồn** sang năm sau.

- **Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ** quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15.

#### **IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

##### **1. Dự kiến nguồn lực**

- a) Về nguồn nhân lực thực hiện: Không làm phát sinh biên chế.
- b) Về kinh phí thực hiện khi ban hành Nghị quyết: Không phát sinh kinh phí.
- c) Về nguồn lực thực hiện các nội dung tại Nghị quyết: Không phát sinh kinh phí.

##### **2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản**

- UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

- Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết:** Kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh khi đảm bảo đầy đủ điều kiện, hồ sơ, tài liệu trình thông qua.

##### **V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN:** Không.

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh đề nghị cho chủ trương xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã tỉnh Đắk Lắk từ năm 2026.

Kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

##### **Nơi nhận:**

- Như trên (để trình);
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**